Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-08-06 17:16:19 +07:00

BỘ NGOẠI GIAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10/2026/TT-BNG	*Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2026*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số nội dung thuộc thẩm quyền của Bộ Ngoại giao theo quy định tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 28/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế;

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số nội dung thuộc thẩm quyền của Bộ Ngoại giao theo quy định tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật (sau đây gọi là Nghị quyết số 197/2025/QH15 và Nghị định số 289/2025/NĐ-CP), bao gồm:

1. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho nhiệm vụ, hoạt động xây dựng thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và thông tư liên tịch do Bộ Ngoại giao chủ trì soạn thảo.

2. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho công tác điều ước quốc tế bao gồm nhiệm vụ, hoạt động xây dựng điều ước quốc tế do Bộ Ngoại giao chủ trì đề xuất và nhiệm vụ, hoạt động kiểm tra điều ước quốc tế do Bộ Ngoại giao thực hiện.

3. Thẩm quyền quyết định nội dung chi, thay đổi nội dung chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng, kiểm tra điều ước quốc tế tại Bộ Ngoại giao.

4. Thẩm quyền quyết định tiêu chí xác định chuyên gia, tổ chức tư vấn trong nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng, kiểm tra điều ước quốc tế tại Bộ Ngoại giao.

5. Công tác lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng, kiểm tra điều ước quốc tế tại Bộ Ngoại giao.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao thực hiện nhiệm vụ, hoạt động theo phân công của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng, kiểm tra điều ước quốc tế.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng, kiểm tra điều ước quốc tế.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 3. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và thông tư liên tịch do Bộ Ngoại giao chủ trì soạn thảo

Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho nhiệm vụ, hoạt động xây dựng thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và thông tư liên tịch do Bộ Ngoại giao chủ trì soạn thảo thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho nhiệm vụ, hoạt động xây dựng điều ước quốc tế do Bộ Ngoại giao chủ trì đề xuất và nhiệm vụ, hoạt động kiểm tra điều ước quốc tế do Bộ Ngoại giao thực hiện

1. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho nhiệm vụ, hoạt động xây dựng điều ước quốc tế do Bộ Ngoại giao chủ trì đề xuất thực hiện theo Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

2. Định mức khoán chi cho nhiệm vụ, hoạt động kiểm tra điều ước quốc tế do Bộ Ngoại giao thực hiện theo định mức khoán chi, khung định mức khoán chi quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định nội dung chi, thay đổi nội dung chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng, kiểm tra điều ước quốc tế tại Bộ Ngoại giao

1. Người đứng đầu đơn vị được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao phân công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng, kiểm tra điều ước quốc tế quyết định nội dung chi, thay đổi nội dung chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động bảo đảm tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ, hoạt động và đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế phát sinh trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động.

2. Việc thay đổi nội dung chi bảo đảm không vượt quá tổng mức chi cho nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15, mức cao nhất của khung định mức chi theo từng nhiệm vụ, hoạt động tương ứng quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và các Phụ lục kèm theo Thông tư này; tuân thủ các quy định về giám sát, kiểm tra, kiểm toán; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định tiêu chí xác định chuyên gia, tổ chức tư vấn trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng, kiểm tra điều ước quốc tế tại Bộ Ngoại giao

Trường hợp pháp luật liên quan không có quy định khác, người đứng đầu đơn vị được giao chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng, kiểm tra điều ước quốc tế quyết định tiêu chí xác định chuyên gia, tổ chức tư vấn.

Điều 7. Lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng, kiểm tra điều ước quốc tế

1. Căn cứ chương trình, kế hoạch công tác pháp chế, kế hoạch công tác điều ước quốc tế hằng năm của Bộ Ngoại giao; văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc của người có thẩm quyền về việc giao, phê duyệt, cho phép lùi, rút, đưa ra khỏi hoặc bổ sung nhiệm vụ, hoạt động vào chương trình, kế hoạch, đơn vị sử dụng ngân sách trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, hoạt động theo định mức khoán chi tương ứng với từng nhiệm vụ, hoạt động quy định tại các Điều 3, 4 và Phụ lục kèm theo Thông tư này (sau đây gọi là đơn vị sử dụng ngân sách) lập dự toán, gửi đơn vị dự toán cấp I tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Bộ Ngoại giao theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao, đơn vị dự toán cấp I thực hiện phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách theo

quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ được giao, tiến độ thực hiện và khả năng cân đối nguồn kinh phí.

3. Việc thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng, kiểm tra điều ước quốc tế thực hiện theo quy định tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP, pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán và các quy định pháp luật có liên quan:

a) Hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng, kiểm tra điều ước quốc tế thực hiện theo quy định tại các khoản 3 và 4 Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP. Trong đó, sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, thông tư liên tịch do Bộ Ngoại giao chủ trì soạn thảo thực hiện theo danh mục sản phẩm quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này; sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng điều ước quốc tế do Bộ Ngoại giao chủ trì đề xuất thực hiện theo danh mục sản phẩm quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này; sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động kiểm tra điều ước quốc tế do Bộ Ngoại giao thực hiện quy dịnh tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

b) Đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, hoạt động theo quy định tại các Điều 3, 4 và Phụ lục kèm theo Thông tư này có trách nhiệm lập, hoàn thiện và cung cấp đầy đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này gửi đơn vị sử dụng ngân sách quản lý trực tiếp làm căn cứ thanh toán, quyết toán kinh phí.

c) Đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ quy định tại điểm a khoản này; thực hiện thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng, kiểm tra điều ước quốc tế thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này được bố trí, quản lý, sử dụng và quyết toán trên cơ sở Kế hoạch công tác pháp chế và Kế hoạch công tác điều ước quốc tế hằng năm của Bộ Ngoại giao.

2. Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế tham mưu, trình Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Kế hoạch công tác pháp chế và Kế hoạch công tác điều ước quốc tế hằng năm của Bộ Ngoại giao để thực hiện việc lập, phân bổ, điều chỉnh, bổ sung dự toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng, kiểm tra điều ước quốc tế theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Cục Quản trị Tài vụ hướng dẫn các đơn vị dự toán thuộc Bộ Ngoại giao lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng, kiểm tra điều ước quốc tế tại Bộ Ngoại giao.

Trên cơ sở quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP, Thông tư này và hồ sơ lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ, hoạt động của các đơn vị dự toán thuộc Bộ Ngoại giao, Cục Quản trị Tài vụ thực hiện tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền giao đầy đủ, kịp thời dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng, kiểm tra điều ước quốc tế.

4. Người đứng đầu đơn vị được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng, kiểm tra điều ước quốc tế theo định mức khoán chi tương ứng với từng nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Điều 3, 4 và Phụ lục kèm theo Thông tư này có trách nhiệm:

a) Tổ chức lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định, gửi đơn vị sử dụng ngân sách để tổng hợp theo quy định tại Điều 7 Thông tư này;

Trường hợp nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng, kiểm tra điều ước quốc tế do đơn vị thuộc số thứ tự từ số 1 đến số 19 Điều 3 Nghị định số 28/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP (sau đây gọi là khối Văn phòng Bộ) chủ trì thực hiện, người đứng đầu đơn vị được giao chủ trì có trách nhiệm tổ chức lập dự toán cho đơn vị mình và các đơn vị có liên quan thuộc khối Văn phòng Bộ trực tiếp thực hiện từng nhiệm vụ, hoạt động, gửi đơn vị sử dụng ngân sách tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

b) Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo đảm đúng mục tiêu, nội dung, phạm vi công việc, tiến độ thực hiện, yêu cầu về chất lượng sản phẩm đầu ra và trong phạm vi dự toán, định mức khoán chi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chịu trách nhiệm giải trình khi cơ quan, người có thẩm quyền yêu cầu.

c) Tổ chức thực hiện việc chi trả đầy đủ, công khai, minh bạch, đúng quy định cho đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

d) Chủ động quyết định việc thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn tham gia thực hiện nhiệm vụ, hoạt động. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, hoạt động và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục tiêu, đúng nhiệm vụ được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và tuân thủ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2026.

2. Nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng, kiểm tra điều ước quốc tế thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 được thanh toán, quyết toán theo định mức khoán chi quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và Thông tư này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Ngoại giao, xây dựng điều ước quốc tế do Bộ Ngoại giao chủ trì đề xuất, kiểm tra điều ước quốc tế do Bộ Ngoại giao thực hiện có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Ngoại giao để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Anh Tuấn

Phụ lục I

DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM, ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THÔNG TƯ THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO VÀ THÔNG TƯ LIÊN TỊCH DO BỘ NGOẠI GIAO CHỦ TRÌ SOẠN THẢO

(Kèm theo Thông tư số 10/2026/TT-BNG ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Bộ Ngoại giao)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi	Ghi chú
A	**Xây dựng, soạn thảo, thẩm định thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao[1]**			
I	**Mức chi cho xây dựng, soạn thảo, thẩm định, ban hành thông tư quy định tại mục III Phụ lục II Nghị quyết 197/2025/QH15; thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 thông tư trở lên**	**Thông tư được ban hành**	**350**	
1	**Xây dựng hồ sơ dự thảo thông tư (đơn vị chủ trì soạn thảo)**	**Hồ sơ dự thảo thông tư (gồm các sản phẩm tại các mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8, 1.9, 1.10, 1.11, 1.12, 1.13)**	**Tối đa 248**	
1.1	Xây dựng dự thảo Tờ trình	Dự thảo Tờ trình	30	
1.2	Xây dựng dự thảo thông tư lần đầu	Dự thảo thông tư	50	
1.3	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi	12	

[1] Trường hợp cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền quyết định không ban hành thông tư đã xây dựng xong hoặc dừng lại không xây dựng tiếp hoặc đã kết thúc năm tài chính mà thông tư chưa được ban hành, sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động là dự thảo các tài liệu.

		mới sáng tạo và chuyển đổi số		
1.4	So sánh, thuyết minh dự thảo thông tư	Bản so sánh, thuyết minh dự thảo thông tư	12	
1.5	Tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo thông tư	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo thông tư	12	
1.6	Phối hợp tham gia ý kiến xây dựng dự thảo thông tư[2]	Văn bản tham gia ý kiến	20[3]	
1.7	Tổ chức họp lấy ý kiến	Biên bản cuộc họp	10	
1.8	Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý	Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý	10	
1.9	Cập nhật dự thảo thông tư trên cơ sở ý kiến góp ý	Dự thảo thông tư cập nhật	30	
1.10	Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định	Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	10	
1.11	Hoàn thiện dự thảo thông tư trên cơ sở ý kiến thẩm định	Dự thảo thông tư hoàn thiện	30	
1.12	Hoàn thiện Tờ trình và các tài liệu kèm theo trên cơ sở ý kiến thẩm định	Tờ trình và các tài liệu kèm theo	12	
1.13	Báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Ngoại giao	Báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Ngoại giao	10	
2	**Thẩm định dự thảo thông tư[4] (Đơn vị được giao chủ trì thẩm định dự thảo thông tư)**	**Báo cáo Thẩm định**	**42**	

[2] Mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức tính tối đa 01 lần tham gia ý kiến.

[3] Đơn vị chủ trì soạn thảo chủ động phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến.

[4] Đơn vị chủ trì thẩm định chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động của mình.

3	**Phê duyệt, ký ban hành thông tư**	**Thông tư được ban hành**	**Tối đa 45**	
3.1	Bộ trưởng	Thông tư được ban hành	5	
3.2	Thứ trưởng trực tiếp chỉ đạo xây dựng thông tư		5	
3.3	Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Ngoại giao cho ý kiến về dự thảo thông tư	Văn bản thông báo ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ	35	
4	**Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác xây dựng thông tư**		**15**	
4.1	Tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí xây dựng thông tư (đơn vị chủ trì soạn thảo)	Dự toán kinh phí	3	
4.2	Thẩm định, rà soát và báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí xây dựng thông tư (Cục Quản trị Tài vụ)	Kinh phí được phê duyệt	3	
4.3	Thẩm tra, rà soát hồ sơ và xét duyệt quyết toán để thanh toán kinh phí xây dựng thông tư qua Kho bạc Nhà nước (Cục Quản trị Tài vụ)	Hồ sơ thanh quyết toán	3	
4.4	Rà soát báo cáo Lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo thông tư (Văn phòng Bộ[5])	Tờ trình có ý kiến của Lãnh đạo Bộ	4	
4.5	Phát hành thông tư (Phòng hành chính, Văn phòng Bộ)	Thông tư được phát hành	2	
II	**Mức chi cho xây dựng, soạn thảo, thẩm định, ban hành thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 thông tư**	**Thông tư được ban hành**	**210**	
1	**Xây dựng hồ sơ dự thảo thông tư (đơn vị chủ trì soạn thảo)**	**Hồ sơ dự thảo thông tư (gồm các sản phẩm tại các mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8, 1.9, 1.10)**	**Tối đa 134**	
1.1	Xây dựng dự thảo Tờ trình	Dự thảo Tờ trình	10	
1.2	Xây dựng dự thảo thông tư lần đầu	Dự thảo thông tư	30	

[5] Công chức làm nhiệm vụ giúp việc Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách.

1.3	Rà soát, đánh giá đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	6	
1.4	So sánh, thuyết minh dự thảo thông tư	Bản so sánh, thuyết minh dự thảo thông tư	6	
1.5	Tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản	6	
1.6	Phối hợp tham gia ý kiến xây dựng dự thảo thông tư[6]	Văn bản tham gia ý kiến	10[7]	
1.7	Tổ chức họp	Biên bản cuộc họp	5	
1.8	Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý	Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý	5	
1.9	Cập nhật dự thảo thông tư trên cơ sở ý kiến góp ý	Dự thảo thông tư cập nhật	25	
1.10	Hoàn thiện dự thảo thông tư trên cơ sở ý kiến thẩm định	Dự thảo thông tư hoàn thiện	15	
1.11	Hoàn thiện Tờ trình và các tài liệu kèm theo trên cơ sở ý kiến thẩm định	Tờ trình và các tài liệu kèm theo	6	

[6] Mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức tính tối đa 01 lần tham gia ý kiến.

[7] Đơn vị chủ trì soạn thảo chủ động phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức tham gia ý kiến.

1.12	Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định	Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	5	
1.13	Báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Ngoại giao	Báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Ngoại giao	5	
2	**Thẩm định thông tư[8] (Đơn vị được giao chủ trì thẩm định thông tư)**	**Báo cáo Thẩm định**	**25**	
3	**Phê duyệt, ký ban hành thông tư**	**Thông tư được ban hành**	**Tối đa 38**	
3.1	Bộ trưởng	Thông tư được ban hành	5	
3.2	Thứ trưởng trực tiếp chỉ đạo xây dựng thông tư		5	
3.3	Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Ngoại giao cho ý kiến về dự thảo thông tư	Văn bản thông báo ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ	28	
4	**Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác xây dựng thông tư**		**Tối đa 15**	
4.1	Tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí xây dựng thông tư (đơn vị chủ trì soạn thảo)	Dự toán kinh phí	2	
4.2	Thẩm định, rà soát và báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí xây dựng thông tư (Cục Quản trị Tài vụ)	Kinh phí được phê duyệt	3	
4.3	Thẩm tra, rà soát hồ sơ và xét duyệt quyết toán để thanh toán kinh phí xây dựng thông tư qua Kho bạc Nhà nước (Cục Quản trị Tài vụ)	Hồ sơ thanh quyết toán	3	
4.4	Rà soát báo cáo Lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo thông tư (Văn phòng Bộ[9])	Tờ trình có ý kiến của Lãnh đạo Bộ	3	
4.5	Phát hành thông tư (Phòng hành chính, Văn phòng Bộ)	Thông tư được phát hành	2	
III	**Mức chi cho xây dựng, soạn thảo, thẩm định, ban hành thông tư bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ thông tư**	**Thông tư được ban hành**	**105**	

[8] Đơn vị chủ trì thẩm định chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động của mình.

[9] Công chức làm nhiệm vụ giúp việc Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách.

1	**Xây dựng hồ sơ dự thảo thông tư (đơn vị chủ trì soạn thảo)**	**Hồ sơ dự thảo thông tư (gồm các sản phẩm tại các mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8, 1.9, 1.10)**	**Tối đa 66**	
1.1	Xây dựng Tờ trình	Tờ trình	10	
1.2	Xây dựng dự thảo thông tư	Dự thảo thông tư	25	
1.3	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	3	
1.4	So sánh, thuyết minh dự thảo thông tư	Bản so sánh, thuyết minh dự thảo thông tư	3	
1.5	Tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo thông tư	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo thông tư	2	
1.6	Phối hợp tham gia ý kiến xây dựng dự thảo thông tư[10]	Văn bản tham gia ý kiến	5[11]	
1.7	Tổ chức họp lấy ý kiến	Biên bản cuộc họp	2	

[10] Mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức tính tối đa 01 lần tham gia ý kiến

[11] Đơn vị chủ trì soạn thảo chủ động phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức tham gia ý kiến.

1.8	Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý	Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý	2	
1.9	Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định	Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	2	
1.10	Hoàn thiện dự thảo thông tư trên cơ sở ý kiến thẩm định	Dự thảo thông tư hoàn thiện	5	
1.11	Hoàn thiện Tờ trình và các tài liệu kèm theo trên cơ sở ý kiến thẩm định	Tờ trình và các tài liệu kèm theo	5	
1.12	Báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Ngoại giao	Báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Ngoại giao	2	
2	**Thẩm định Thông tư[12] (Đơn vị được giao chủ trì thẩm định thông tư)**	**Báo cáo Thẩm định**	**12**	
3	**Phê duyệt, ký ban hành thông tư**	**Thông tư được ban hành**	**Tối đa 22**	
3.1	Bộ trưởng	Thông tư được ban hành	3	
3.2	Thứ trưởng trực tiếp chỉ đạo xây dựng thông tư		3	
3.3	Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Ngoại giao cho ý kiến về dự thảo thông tư	Văn bản thông báo ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ	16	
4	**Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác xây dựng thông tư**		**Tối đa 5**	
4.1	Tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí xây dựng thông tư (đơn vị chủ trì soạn thảo)	Dự toán kinh phí	0,5	
4.2	Thẩm định, rà soát và báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí xây dựng thông tư (Cục Quản trị Tài vụ)	Kinh phí được phê duyệt	1	
4.3	Thẩm tra, rà soát hồ sơ và xét duyệt quyết toán để thanh toán kinh phí xây dựng thông tư qua Kho bạc Nhà nước (Cục Quản trị Tài vụ)	Hồ sơ thanh quyết toán	1	

[12] Đơn vị chủ trì thẩm định chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động của mình.

4.4	Rà soát báo cáo Lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo thông tư (Văn phòng Bộ[13])	Tờ trình có ý kiến của Lãnh đạo Bộ	1	
4.5	Phát hành thông tư (Phòng hành chính, Văn phòng Bộ)	Thông tư được phát hành	0,5	
B	**Xây dựng, ban hành thông tư liên tịch do Bộ Ngoại giao chủ trì soạn thảo[14]**			
I	**Mức chi cho xây dựng thông tư liên tịch quy định tại mục III Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15; thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 thông tư liên tịch trở lên**		**350**	
1	**Xây dựng hồ sơ dự thảo thông tư liên tịch (Đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì soạn thảo Thông tư liên tịch)[15]**	**Hồ sơ dự thảo thông tư liên tịch**	**147**	
2	**Các cơ quan liên tịch xây dựng, soạn thảo, ban hành thông tư liên tịch[16]**		**135**	
3	**Thẩm định thông tư liên tịch[17] (Đơn vị được giao chủ trì thẩm định thông tư liên tịch)**	**Báo cáo Thẩm định**	**42**	
4	**Phê duyệt, ký ban hành thông tư**	**Thông tư được ban hành**	**12**	
4.1	Bộ trưởng	Thông tư được ban hành	6	
4.2	Thứ trưởng trực tiếp chỉ đạo xây dựng thông tư		6	
5	**Chi cho công tác khác**		**Tối đa 14**	

[13] Công chức làm nhiệm vụ giúp việc Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách.

[14] Trường hợp cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền quyết định không ban hành thông tư liên tịch đã xây dựng xong hoặc dừng lại không xây dựng tiếp hoặc đã kết thúc năm tài chính mà thông tư liên tịch chưa được ban hành, sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động là dự thảo các tài liệu.

[15] Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động do Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì soạn thảo Thông tư quyết định, trên cơ sở tham chiếu khung định mức khoán chi và nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm tại Mục C.II.1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

[16] Trường hợp 02 cơ quan liên tịch trở lên thì định mức khoán chi ở mục này được chia đều cho các cơ quan.

[17] Đơn vị chủ trì thẩm định chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động của mình.

5.1	Chi cho công tác lập dự toán kinh phí xây dựng thông tư liên tịch (đơn vị chủ trì soạn thảo)		2	
5.2	Thẩm định, rà soát và báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phíxây dựng thông tư (Cục Quản trị Tài vụ)	Kinh phí được phê duyệt	2	
5.3	Thẩm tra, rà soát hồ sơ và xét duyệt quyết toán để thanh toán kinh phí xây dựng thông tư qua Kho bạc Nhà nước (Cục Quản trị Tài vụ)	Hồ sơ thanh quyết toán	2	
5.4	Rà soát báo cáo Lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo thông tư (Văn phòng Bộ[18])	Tờ trình có ý kiến của Lãnh đạo Bộ	6	
5.5	Phát hành thông tư liên tịch[19]	Thông tư được phát hành	2	
II	**Mức chi cho xây dựng, soạn thảo, thẩm định, ban hành thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 thông tư liên tịch**		**210**	
1	**Xây dựng hồ sơ dự thảo thông tư liên tịch (Đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì soạn thảo thông tư liên tịch)**	**Hồ sơ dự thảo thông tư liên tịch**	**87**	
2	**Các cơ quan liên tịch xây dựng, soạn thảo, ban hành thông tư liên tịch[20]**		**75**	
3	**Thẩm định thông tư liên tịch[21] (Đơn vị được giao chủ trì thẩm định thông tư liên tịch)**	**Báo cáo Thẩm định**	**25**	
4	**Phê duyệt, ký ban hành thông tư**	**Thông tư được ban hành**	**10**	
4.1	Bộ trưởng	Thông tư được ban hành	5	
4.2	Thứ trưởng trực tiếp chỉ đạo xây dựng thông tư		5	
5	**Chi cho công tác khác**		**Tối đa 13**	
5.1	Chi cho công tác lập dự toán kinh phí xây dựng thông tư liên tịch (đơn vị chủ trì soạn thảo)		2	

[18] Công chức làm nhiệm vụ giúp việc Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách.

[19] Phòng hành chính, Văn phòng Bộ

[20] Trường hợp 02 cơ quan liên tịch trở lên thì định mức khoán chi ở mục này được chia đều cho các cơ quan.

[21] Đơn vị chủ trì thẩm định chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động của mình.

5.2	Thẩm định, rà soát và báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phíxây dựng thông tư (Cục Quản trị Tài vụ)	Kinh phí được phê duyệt	2	
5.3	Thẩm tra, rà soát hồ sơ và xét duyệt quyết toán để thanh toán kinh phí xây dựng thông tư qua Kho bạc Nhà nước (Cục Quản trị Tài vụ)	Hồ sơ thanh quyết toán	2	
5.4	Rà soát báo cáo Lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo thông tư (Văn phòng Bộ[22])	Tờ trình có ý kiến của Lãnh đạo Bộ	5	
5.5	Phát hành thông tư liên tịch[23]	Thông tư liên tịch được phát hành	2	
III	**Mức chi cho xây dựng, soạn thảo, thẩm định, ban hành thông tư liên tịch bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ thông tư liên tịch**		**105**	
1	**Xây dựng hồ sơ dự thảo thông tư liên tịch (Đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì soạn thảo thông tư liên tịch)**	**Hồ sơ dự thảo thông tư liên tịch**	**40**	
2	**Các cơ quan liên tịch xây dựng, soạn thảo, ban hành thông tư liên tịch[24]**		**37**	
3	**Thẩm định thông tư liên tịch[25] (Đơn vị được giao chủ trì thẩm định thông tư liên tịch)**	**Báo cáo Thẩm định**	**12**	
4	**Phê duyệt, ký ban hành thông tư**	**Thông tư được ban hành**	**8**	
4.1	Bộ trưởng	Thông tư được ban hành	4	
4.2	Thứ trưởng trực tiếp chỉ đạo xây dựng thông tư		4	
5	**Chi cho công tác khác**		**Tối đa 8**	
5.1	Chi cho công tác lập dự toán kinh phí xây dựng thông tư liên tịch (đơn vị chủ trì soạn thảo)		1	
5.2	Thẩm định, rà soát và báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phíxây dựng thông tư (Cục Quản trị Tài vụ)	Kinh phí được phê duyệt	1	

[22] Công chức làm nhiệm vụ giúp việc Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách.

[23] Phòng hành chính, Văn phòng Bộ

[24] Trường hợp 02 cơ quan liên tịch trở lên thì định mức khoán chi ở mục này được chia đều cho các cơ quan.

[25] Đơn vị chủ trì thẩm định chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động của mình.

5.3	Thẩm tra, rà soát hồ sơ và xét duyệt quyết toán để thanh toán kinh phí xây dựng thông tư qua Kho bạc Nhà nước (Cục Quản trị Tài vụ)	Hồ sơ thanh quyết toán	1	
5.4	Rà soát báo cáo Lãnh đạo Bộ về hồ sơ dự thảo thông tư (Văn phòng Bộ[26])	Tờ trình có ý kiến của Lãnh đạo Bộ	4	
5.5	Phát hành thông tư liên tịch[27]	Thông tư liên tịch được phát hành	1	

[26] Công chức làm nhiệm vụ giúp việc Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách.

[27] Phòng hành chính, Văn phòng Bộ

Phụ lục II

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ (ĐƯQT) DO BỘ NGOẠI GIAO CHỦ TRÌ ĐỀ XUẤT

(Kèm theo Thông tư số 10/2026/TT-BNG ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Bộ Ngoại giao)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Sản phẩm	ĐƯQT mới, gia nhập ĐƯQT (100%)	ĐƯQT sửa đổi, bổ sung (75%)
A	**Giai đoạn đàm phán ĐƯQT/nghiên cứu khả năng gia nhập, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT[1]**			
I	**Đàm phán ĐƯQT**		**560**	**420**
1	*Tổ chức điều tra, khảo sát thực tế, nghiên cứu, hội thảo, tọa đàm đối với chính sách, dự thảo ĐƯQT; đối với tài liệu khác để phục vụ cho việc xây dựng hồ sơ đề xuất đàm phán ĐƯQT, xây dựng phương án đàm phán*		*200*	*150*
1.1	Tổ chức điều tra, khảo sát thực tế đối với chính sách, dự thảo ĐƯQT, và tài liệu khác	Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát thực tế đối với chính sách, dự thảo ĐƯQT, và tài liệu khác	50	37,5
1.2	Tổ chức nghiên cứu nội dung chính sách, dự thảo ĐƯQT, các tài liệu khác	Báo cáo nghiên cứu nội dung chính sách, dự thảo ĐƯQT, các tài liệu khác	100	75
1.3	Tổ chức hội thảo, tọa đàm	Báo cáo kết quả hội thảo, tọa đàm	50	37,5
2	*Xây dựng hồ sơ đề xuất đàm phán ĐƯQT*		*224*	*168*
2.1	Xây dựng dự thảo Tờ trình về việc đàm phán ĐƯQT	Dự thảo tờ trình về việc đàm phán ĐƯQT	50	35
2.2	Hoàn thiện dự thảo Tờ trình về việc đàm phán ĐƯQT trên cơ sở giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan	Tờ trình về việc đàm phán ĐƯQT	100	75

[1] Tùy thuộc vào loại ĐƯQT cần đàm phán hoặc ĐƯQT cần nghiên cứu khả năng gia nhập, cơ quan được cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước, Chính phủ giao chủ trì hoặc cơ quan có chương trình, kế hoạch công tác được lãnh đạo bộ, ngành phê duyệt thực hiện nhiệm vụ lựa chọn việc áp dụng các hoạt động, nhiệm vụ quy định tại Mục A.I hoặc A.II Thông tư này.

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Sản phẩm	ĐƯQT mới, gia nhập ĐƯQT (100%)	ĐƯQT sửa đổi, bổ sung (75%)
2.3	Giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan và kiến nghị biện pháp xử lý	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức và kiến nghị biện pháp xử lý	50	35
2.4	Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác xây dựng hồ sơ đề xuất đàm phán ĐƯQT		Tối đa 24	Tối đa 23
a	Tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí xây dựng hồ sơ đề xuất đàm phán ĐƯQT (đơn vị chủ trì)	Dự toán kinh phí	5	5
b	Rà soát, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ đề xuất đàm phán ĐƯQT (Văn phòng Bộ)	Tờ trình về việc đàm phán được phê duyệt	5	5
c	Phát hành hồ sơ đề xuất đàm phán ĐƯQT (Văn phòng Bộ)	Tờ trình về việc đàm phán được phát hành	2	2
d	Thẩm định, rà soát và báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí đề xuất đàm phán ĐƯQT (Cục Quản trị Tài vụ)	Kinh phí được phê duyệt	4	4
đ	Thẩm tra, rà soát hồ sơ và xét duyệt quyết toán để thanh toán kinh phí đề xuất đàm phán ĐƯQT qua Kho bạc Nhà nước (Cục Quản trị Tài vụ)	Hồ sơ thanh quyết toán	4	4
e	In ấn hồ sơ đề xuất đàm phán ĐƯQT (đơn vị chủ trì)	Tờ trình về việc đàm phán được phê duyệt	4	3
3	*Góp ý hồ sơ đề xuất đàm phán ĐƯQT*[2]	*Ý kiến góp ý bằng văn bản*[3]	*60*	*45*
4	*Lấy ý kiến cơ quan Đảng có thẩm quyền*		*76*	*57*
4.1	Xây dựng hồ sơ lấy ý kiến cơ quan Đảng có thẩm quyền về việc đàm phán ĐƯQT (đơn vị chủ trì xây dựng)	Tờ trình/Báo cáo về việc đàm phán ĐƯQT	38	28
4.2	Rà soát, trình hồ sơ lấy ý kiến cơ quan Đảng có thẩm quyền (Cơ quan Đảng uỷ Bộ)	Văn bản thông báo ý kiến của cơ quan Đảng có thẩm quyền	3	3
4.3	Cơ quan Đảng có thẩm quyền cho ý kiến	Văn bản thông báo ý kiến của cơ quan Đảng có thẩm quyền	35	26

[2] Đơn vị chủ trì xây dựng chủ động phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức tham gia ý kiến.
[3] Bao gồm ý kiến các đơn vị trong Bộ Ngoại giao. Mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức tính tối đa 01 lần tham gia ý kiến. Tối đa 5/văn bản cho ý kiến.

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Sản phẩm	ĐƯQT mới, gia nhập ĐƯQT (100%)	ĐƯQT sửa đổi, bổ sung (75%)
II	**Nghiên cứu khả năng gia nhập, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT**		**600**	**450**
1	*Tổ chức điều tra, khảo sát thực tế, nghiên cứu, hội thảo, tọa đàm đối với khả năng gia nhập, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT; đối với tài liệu khác để phục vụ cho việc xây dựng hồ sơ đề xuất khả năng gia nhập, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT*		*300*	*225*
1.1	Tổ chức điều tra, khảo sát thực tế đối với khả năng gia nhập, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT	Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát thực tế đối với khả năng gia nhập, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT	75	50
1.2	Tổ chức nghiên cứu đánh giá khả năng gia nhập, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT theo chuyên đề	Báo cáo nghiên cứu đánh giá khả năng gia nhập, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT theo chuyên đề	150	125
1.3	Tổ chức hội thảo, tọa đàm	Báo cáo kết quả hội thảo, tọa đàm	75	50
2	*Xây dựng báo cáo đánh giá sự cần thiết, các tác động có liên quan của việc gia nhập, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT*		*240*	*180*
2.1	Xây dựng dự thảo báo cáo đánh giá sự cần thiết, các tác động có liên quan của việc gia nhập, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT	Dự thảo báo cáo đánh giá sự cần thiết, các tác động có liên quan của việc gia nhập, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT	50	30
2.2	Hoàn thiện báo cáo đánh giá về sự cần thiết, các tác động có liên quan của việc gia nhập, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình	Báo cáo đánh giá về sự cần thiết, các tác động có liên quan của việc gia nhập, chấm	100	70

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Sản phẩm	ĐƯQT mới, gia nhập ĐƯQT (100%)	ĐƯQT sửa đổi, bổ sung (75%)
	chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT trên cơ sở giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức.	dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT		
2.3	Giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan và kiến nghị biện pháp xử lý	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức và kiến nghị biện pháp xử lý	72	62
2.4	Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác nghiên cứu khả năng gia nhập, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT		Tối đa 18	Tối đa 18
a	Tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí xây dựng hồ sơ nghiên cứu khả năng gia nhập, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT (đơn vị chủ trì soạn thảo)	Dự toán kinh phí	5	5
b	Rà soát, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá về sự cần thiết, các tác động có liên quan của việc gia nhập, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT (Văn phòng Bộ)	Báo cáo đánh giá về sự cần thiết, các tác động có liên quan của việc gia nhập, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT được phê duyệt	5	5
c	Thẩm định, rà soát và báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí nghiên cứu khả năng gia nhập, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT (Cục Quản trị Tài vụ)	Kinh phí được phê duyệt	4	4
d	Thẩm tra, rà soát hồ sơ và xét duyệt quyết toán để thanh toán kinh phí nghiên cứu khả năng gia nhập, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT qua Kho bạc Nhà nước (Cục Quản trị Tài vụ)	Hồ sơ thanh quyết toán	4	4
3	*Góp ý báo cáo*[4]	*Ý kiến góp ý bằng văn bản*[5]	*60*	*45*

[4] Đơn vị chủ trì xây dựng chủ động phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan tham gia ý kiến.
[5] Bao gồm ý kiến các đơn vị trong Bộ Ngoại giao. Mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức tính tối đa 01 lần tham gia ý kiến. Tối đa 5/văn bản cho ý kiến.

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Sản phẩm	ĐƯQT mới, gia nhập ĐƯQT (100%)	ĐƯQT sửa đổi, bổ sung (75%)
B	**Giai đoạn đề xuất ký/gia nhập/chấm dứt hiệu lực/từ bỏ/rút khỏi/tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT[6]**		***190***	**140**
1	*Xây dựng hồ sơ đề xuất ký/gia nhập/chấm dứt hiệu lực/từ bỏ/rút khỏi/tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT*		*100*	*75*
1.1	Xây dựng hồ sơ đề xuất ký/gia nhập/chấm dứt hiệu lực/từ bỏ/rút khỏi/tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT	Tờ trình đề xuất ký/gia nhập/chấm dứt hiệu lực/từ bỏ/rút khỏi/tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT	25	20
1.2	Đánh giá tác động chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và các tác động khác của ĐƯQT	Báo cáo đánh giá tác động chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và các tác động khác của ĐƯQT	10	6
1.3	Đánh giá sự tương thích của ĐƯQT đề xuất ký/gia nhập/chấm dứt hiệu lực/từ bỏ/rút khỏi/tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT với ĐƯQT trong cùng lĩnh vực mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên	Báo cáo đánh giá sự tương thích với ĐƯQT trong cùng lĩnh vực mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên	10	6
1.4	Đánh giá sự phù hợp giữa quy định của ĐƯQT với quy định của pháp luật Việt Nam	Báo cáo đánh giá sự phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam	10	6
1.5	Chuẩn bị văn bản ĐƯQT và bản dịch tiếng Việt của ĐƯQT	Văn bản ĐƯQT và bản dịch tiếng Việt của ĐƯQT	10	6
1.6	Giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan và kiến nghị biện pháp xử lý	Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan và kiến nghị biện pháp xử lý	10	6
1.7	Rà soát, xây dựng Dự kiến kế hoạch thực hiện ĐƯQT	Dự kiến kế hoạch thực hiện ĐƯQT	5	5
1.8	Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác đề xuất ký/gia		Tối đa 20	Tối đa 20

[6] Đối với ĐƯQT mà Việt Nam gia nhập thì áp dụng định mức khoán chi tại cả Mục B và Mục C Phụ lục II Thông tư này.

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Sản phẩm	ĐƯQT mới, gia nhập ĐƯQT (100%)	ĐƯQT sửa đổi, bổ sung (75%)
	nhập/chấm dứt hiệu lực/từ bỏ/rút khỏi/tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT			
a	Tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí đề xuất ký/gia nhập/chấm dứt hiệu lực/từ bỏ/rút khỏi/tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT (đơn vị chủ trì soạn thảo)	Dự toán kinh phí	5	5
b	Rà soát, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ đề xuất ký/gia nhập/chấm dứt hiệu lực/từ bỏ/rút khỏi/tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT (Văn phòng Bộ)	Tờ trình đề xuất ký/gia nhập/chấm dứt hiệu lực/từ bỏ/rút khỏi/tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT được phê duyệt	5	5
c	Chi phát hành hồ sơ đề xuất ký/gia nhập/chấm dứt hiệu lực/từ bỏ/rút khỏi/tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT (Văn phòng Bộ)	Tờ trình đề xuất ký/gia nhập/chấm dứt hiệu lực/từ bỏ/rút khỏi/tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT được phát hành	2	2
d	Thẩm định, rà soát và báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí đề xuất ký/gia nhập/chấm dứt hiệu lực/từ bỏ/rút khỏi/tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT (Cục Quản trị Tài vụ)	Kinh phí được phê duyệt	4	4
đ	Thẩm tra, rà soát hồ sơ và xét duyệt quyết toán để thanh toán kinh phí đề xuất ký/gia nhập/chấm dứt hiệu lực/từ bỏ/rút khỏi/tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT qua Kho bạc Nhà nước (Cục Quản trị Tài vụ)	Hồ sơ thanh quyết toán	4	4
2	*Góp ý hồ sơ đề xuất ký/gia nhập/chấm dứt hiệu lực/từ bỏ/rút khỏi/tạm đình chỉ và các nội dung khác liên quan đến hiệu lực của ĐƯQT*[7]	Ý kiến góp ý bằng văn bản[8]	*60*	*45*
3	*Dự phòng*[9]		*30*	*22,5*

[7] Đơn vị chủ trì xây dựng chủ động phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức tham gia ý kiến.

[8] Bao gồm ý kiến các đơn vị trong Bộ Ngoại giao. Mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức tính tối đa 01 lần tham gia ý kiến. Tối đa 5/văn bản cho ý kiến.

[9] Trường hợp không phát sinh tình huống dự phòng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao chủ trì được quyền quyết định việc chi bổ sung cho nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện.

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Sản phẩm	ĐƯQT mới, gia nhập ĐƯQT (100%)	ĐƯQT sửa đổi, bổ sung (75%)
C	**Giai đoạn phê chuẩn, phê duyệt[10]**		***124***	**83**
1	*Xây dựng hồ sơ đề xuất phê chuẩn/phê duyệt ĐƯQT*		*60*	*45*
1.1	Dự thảo Tờ trình về việc phê duyệt/phê chuẩn	Tờ trình về việc phê duyệt/phê chuẩn ĐƯQT	20	14
1.2	Giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan và kiến nghị biện pháp xử lý	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan và kiến nghị biện pháp xử lý	10	5
1.3	Rà soát, xây dựng Dự kiến kế hoạch thực hiện ĐƯQT	Dự kiến kế hoạch thực hiện ĐƯQT	5	3
1.4	Chuẩn bị văn bản ĐƯQT và bản dịch tiếng Việt của ĐƯQT	Văn bản ĐƯQT và bản dịch tiếng Việt của ĐƯQT	5	3
1.5	Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác phê chuẩn, phê duyệt ĐƯQT		Tối đa 20	Tối đa 20
a	Tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí phê chuẩn, phê duyệt ĐƯQT (đơn vị chủ trì soạn thảo)	Dự toán kinh phí	5	5
b	Rà soát, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ phê chuẩn, phê duyệt ĐƯQT (Văn phòng Bộ)	Tờ trình về việc phê duyệt/phê chuẩn ĐƯQT được phê duyệt	5	5
c	Chi phát hành hồ sơ phê chuẩn, phê duyệt ĐƯQT (Văn phòng Bộ)	Tờ trình về việc phê chuẩn, phê duyệt ĐƯQT được phát hành	2	2
d	Thẩm định, rà soát và báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí phê chuẩn, phê duyệt ĐƯQT (Cục Quản trị Tài vụ)	Kinh phí được phê duyệt	4	4
đ	Thẩm tra, rà soát hồ sơ và xét duyệt quyết toán để thanh toán kinh phí phê chuẩn, phê duyệt ĐƯQT qua Kho bạc Nhà nước (Cục Quản trị Tài vụ)	Hồ sơ thanh quyết toán	4	4

[10] Trường hợp ĐƯQT có quy định ĐƯQT có hiệu lực sau khi ký (không phải trình phê chuẩn, phê duyệt) thì đồng thời áp dụng các định mức khoán chi tại Mục C Phụ lục II Thông tư này cho các nhiệm vụ, hoạt động thực hiện trong giai đoạn đề xuất ký ĐƯQT tại Mục B Phụ lục II Thông tư này.

STT	Nhiệm vụ và hoạt động	Sản phẩm	ĐƯQT mới, gia nhập ĐƯQT (100%)	ĐƯQT sửa đổi, bổ sung (75%)
2	*Góp ý hồ sơ phê chuẩn, phê duyệt*[11]	*Ý kiến góp ý bằng văn bản*[12]	*24*	*18*
3	*Dự phòng*[13]		*40*	*30*

[11] Đơn vị chủ trì xây dựng chủ động phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức tham gia ý kiến.
[12] Bao gồm ý kiến các đơn vị trong Bộ Ngoại giao. Mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức tính tối đa 01 lần tham gia ý kiến. Tối đa 3/văn bản cho ý kiến.
[13] Trường hợp không phát sinh tình huống dự phòng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao chủ trì được quyền quyết định việc chi bổ sung cho nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện.